THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số : 246/2005/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 06 tháng 10 năm 2005*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Chiến lược phát triển công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông tại Tờ trình số 2563/BBCVT-VCL ngày 24 tháng 12 năm 2004 về "Chiến lược phát triển công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020",

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Phê duyệt "Chiến lược phát triển công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020" với những nội dung chủ yếu sau đây:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

- Công nghệ thông tin và truyền thông là công cụ quan trọng hàng đầu để thực hiện mục tiêu thiên niên kỷ, hình thành xã hội thông tin, rút ngắn quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin và truyền thông là yếu tố có ý nghĩa chiến lược, góp phần tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội và tăng năng suất, hiệu suất lao động. Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông phải gắn với quá trình đổi mới và bám sát mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, phải được lồng ghép trong các chương trình, hoạt động chính trị, quản lý, kinh tế, văn hoá, xã hội, khoa học công nghệ và an ninh quốc phòng.

- Công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông là ngành kinh tế mũi nhọn, được Nhà nước ưu tiên, quan tâm hỗ trợ và khuyến khích phát triển. Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông, góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế, thúc đẩy các ngành, lĩnh vực cùng phát triển, tăng cường năng lực công nghệ quốc gia trong quá trình thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Phát triển công nghiệp nội dung thông tin và công nghiệp phần mềm, thúc đẩy mạnh mẽ quá trình hình thành và phát triển xã hội thông tin là hướng ưu tiên quan trọng được Nhà nước đặc biệt quan tâm.

- Cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông là hạ tầng kinh tế xã hội được ưu tiên phát triển, đảm bảo công nghệ hiện đại, quản lý và khai thác hiệu quả. Phát triển cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông phải đi trước một bước nhằm tạo cơ sở cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông. Đầu tư vào hạ tầng thông tin và truyền thông là đầu tư chiều sâu, mang lại lợi ích lâu dài cho toàn xã hội.

- Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin và truyền thông là yếu tố then chốt có ý nghĩa quyết định đối với việc phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông. Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin và truyền thông phải đảm bảo chất lượng, đồng bộ, chuyển dịch nhanh về cơ cấu theo hướng tăng nhanh tỷ lệ nguồn nhân lực có trình độ cao, tăng cường năng lực công nghệ thông tin và truyền thông quốc gia.

2. Mục tiêu phát triển đến năm 2010

- Ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin và truyền thông trong các ngành, lĩnh vực trọng điểm của nền kinh tế. Hình thành, xây dựng và phát triển Việt Nam điện tử với công dân điện tử, Chính phủ điện tử, doanh nghiệp điện tử, giao dịch và thương mại điện tử để Việt Nam đạt trình độ trung bình khá trong khu vực ASEAN.

- Công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông trở thành ngành công nghiệp mũi nhọn có tốc độ tăng trưởng 20 - 25%/năm, đạt tổng doanh thu khoảng 6 - 7 tỷ USD vào năm 2010.

- Cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông phủ trên cả nước, với thông lượng lớn, tốc độ và chất lượng cao, giá rẻ. Đến năm 2010 mật độ điện thoại cả nước đạt 32 - 42 máy/100 dân; mật độ thuê bao Internet đạt 8 - 12 thuê bao/100 dân (trong đó 30% là thuê bao băng rộng), với tỷ lệ sử dụng Internet đạt 25 - 35%; mật độ bình quân máy tính cá nhân đạt trên 10 máy/100 dân.

- Đào tạo ở các khoa công nghệ thông tin và truyền thông trọng điểm đạt trình độ và chất lượng tiên tiến trong khu vực ASEAN. Đảm bảo đa số cán bộ, công chức, viên chức, giáo viên tất cả các cấp, bác sĩ, y sĩ, sinh viên đại học và cao đẳng, học sinh trung học chuyên nghiệp, trung học dạy nghề và trung học phổ thông, 50% học sinh trung học cơ sở và trên 30% dân cư có thể sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông và khai thác Internet.

3. Định hướng phát triển đến 2015 và tầm nhìn đến 2020

- Ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin và truyền thông trong mọi lĩnh vực, khai thác có hiệu quả thông tin và tri thức trong tất cả các ngành. Xây dựng và phát triển Việt Nam điện tử với công dân điện tử, Chính phủ điện tử, doanh nghiệp điện tử, giao dịch và thương mại điện tử để Việt Nam đạt trình độ khá trong khu vực ASEAN. Hình thành xã hội thông tin.

- Công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông có tốc độ tăng trưởng trên 20%/năm, đạt tổng doanh thu khoảng 15 tỷ USD.

- Cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông phát triển mạnh mẽ đáp ứng yêu cầu trao đổi thông tin của toàn xã hội. Mật độ điện thoại đạt trên 50 máy/100 dân trong đó mật độ điện thoại cố định đạt trên 20 máy/100 dân và mật độ điện thoại di động đạt trên 30 máy/100 dân.

- Đào tạo về công nghệ thông tin và truyền thông ở các trường đại học đạt trình độ và chất lượng tiên tiến trong khu vực ASEAN. Đảm bảo 80% sinh viên công nghệ thông tin và truyền thông tốt nghiệp ở các trường đại học đủ khả năng chuyên môn và ngoại ngữ để tham gia thị trường lao động quốc tế.

Tầm nhìn 2020: với công nghệ thông tin và truyền thông làm nòng cốt Việt Nam chuyển đổi nhanh cơ cấu kinh tế - xã hội trở thành một nước có trình độ tiên tiến về phát triển kinh tế tri thức và xã hội thông tin, góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

II. NỘI DUNG CHIẾN LƯỢC

1. Phát triển ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông

a) Xây dựng và phát triển công dân điện tử

Đảm bảo trên 80% thanh niên ở các thành phố, thị xã, thị trấn có thể sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông và khai thác Internet. Từng bước đưa công nghệ thông tin và truyền thông vào đời sống của nông dân, thu hẹp khoảng cách số giữa nông thôn và thành thị. Người dân được truy cập thông tin và tri thức kịp thời thông qua phát thanh, truyền hình, Internet và các trang thông tin điện tử. Phát triển và phổ cập hệ thống quản lý điện tử đến trên 80% số bệnh viện trên toàn quốc. Phổ cập sử dụng tin học cho trên 70% cán bộ y tế.

b) Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử

Đảm bảo hệ thống chỉ đạo, điều hành, trao đổi thông tin thông suốt, kịp thời từ Trung ương đến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; trên 50% các văn bản được lưu chuyển trên mạng; đa số cán bộ, công chức nhà nước có điều kiện sử dụng thư điện tử và khai thác thông tin trong công việc. 100% các cơ quan của Chính phủ có trang thông tin điện tử với đầy đủ thông tin về hoạt động của cơ quan, pháp luật, chính sách, quy định, thủ tục hành chính, quy trình làm việc, các dự án đầu tư, đấu thầu và mua sắm. Người dân và các doanh nghiệp có thể tìm kiếm thông tin liên quan đến các hoạt động của các cơ quan hành chính một cách nhanh chóng, dễ dàng. Hệ thống thông tin tài chính, ngân hàng và hải quan đạt trình độ tương đương với các nước tiên tiến trong khu vực. Hệ thống thông tin về dân cư, cán bộ công chức, tài nguyên, môi trường, và thống kê có thông tin cơ bản được cập nhật đầy đủ và cung cấp thường xuyên. Một số dịch vụ khai báo, đăng ký, cấp phép được thực hiện trực tuyến qua các hệ thống thông tin của các quận, Sở thuộc các tỉnh, thành phố. Xây dựng Chính phủ điện tử tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh đạt mức trung bình khá trong khu vực. Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin và truyền thông trong quốc phòng, an ninh phục vụ sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

c) Xây dựng và phát triển doanh nghiệp điện tử

Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin và truyền thông trong những ngành dịch vụ kinh tế có tính hội nhập cao như viễn thông, ngân hàng, hải quan, hàng không, du lịch, thuế, v.v..., đảm bảo năng lực quản lý và chất lượng dịch vụ của các ngành này đạt trình độ tiên tiến trong khu vực. 50 - 70% doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào các hoạt động quản lý, điều hành, quảng bá thương hiệu, tiếp thị, mở rộng thị trường, giám sát, tự động hoá các quy trình sản xuất, thiết kế, kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm, v.v... Hơn 50% doanh nghiệp tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh thực hiện báo cáo thống kê, khai báo thuế, đăng ký và được cấp phép kinh doanh qua mạng. Trên 40% doanh nghiệp khai báo, đăng ký và được cấp phép hải quan qua mạng.

d) Phát triển giao dịch và thương mại điện tử

Hình thành và thúc đẩy phát triển môi trường giao dịch và thương mại điện tử. Hình thành các sàn giao dịch thương mại điện tử, mạng giá trị gia tăng, hệ thống quản lý dây truyền cung ứng. Đảm bảo 25 - 30% tổng số giao dịch của các ngành kinh tế được thực hiện thông qua hệ thống giao dịch và thương mại điện tử. Giao dịch và thương mại điện tử có trị giá tăng gấp 10 lần so với năm 2002.

2. Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông

Phát triển công nghiệp phần mềm và công nghiệp nội dung thông tin đồng bộ với mở rộng, phát triển mạng truyền thông. Duy trì tốc độ tăng trưởng công nghiệp phần mềm và công nghiệp nội dung thông tin ở mức bình quân 40% một năm, đến năm 2010 đạt tổng doanh thu khoảng 1,2 tỷ USD. Phấn đấu để Việt Nam trở thành một trung tâm của khu vực về lắp ráp thiết bị điện tử, máy tính và viễn thông, sản xuất một số chủng loại linh, phụ kiện và thiết kế chế tạo thiết bị mới. Công nghiệp phần cứng máy tính có tốc độ tăng trưởng bình quân 20% một năm, đến năm 2010 đạt tổng doanh thu khoảng 3 tỷ USD. Công nghiệp sản xuất thiết bị viễn thông có tốc độ tăng trưởng bình quân 22% một năm, đến năm 2010 đạt tổng doanh thu khoảng 700 triệu USD. Công nghiệp điện tử (dân dụng và công nghiệp) có tốc độ tăng trưởng bình quân 22% một năm, đến năm 2010 đạt tổng doanh thu khoảng 2 tỷ USD. Máy tính cá nhân, điện thoại di động và phần mềm mang thương hiệu Việt Nam chiếm lĩnh được tối đa thị phần trong nước và xuất khẩu không ít hơn 1 tỷ USD.

3. Phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông

Xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông đáp ứng yêu cầu trao đổi thông tin của toàn xã hội. Cơ sở hạ tầng viễn thông và Internet Việt Nam đi thẳng vào công nghệ hiện đại, phát triển nhanh, đa dạng hoá, cung cấp cho người sử dụng các dịch vụ chất lượng cao, đảm bảo an toàn thông tin, bảo mật, giá cước thấp hơn hoặc tương đương mức bình quân của các nước trong khu vực ASEAN+3. Tạo điều kiện cho mọi thành phần kinh tế tham gia cung cấp dịch vụ viễn thông và Internet. Hỗ trợ để các doanh nghiệp mới chiếm 40 - 50% thị phần dịch vụ viễn thông và Internet vào năm 2010.

Tất cả các Bộ, ngành, cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền cấp tỉnh và huyện được kết nối Internet băng rộng và kết nối với mạng diện rộng của Chính phủ. 100% số xã trên toàn quốc có điện thoại; 100% các điểm Bưu điện văn hoá xã và các trung tâm giáo dục cộng đồng được kết nối Internet; 100% số huyện và nhiều xã trong cả nước được phục vụ dịch vụ băng rộng với giá cước thấp hơn hoặc tương đương mức bình quân của các nước trong khu vực ASEAN+3; 100% viện nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và trung học phổ thông có truy nhập Internet tốc độ cao; trên 90% các trường trung học cơ sở, bệnh viện được kết nối Internet.

4. Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin và truyền thông

Đào tạo công nghệ thông tin và truyền thông tại các trường đại học trọng điểm đạt trình độ và chất lượng tiên tiến trong khu vực ASEAN cả về kiến thức, kỹ năng thực hành và ngoại ngữ. 70% sinh viên công nghệ thông tin và truyền thông tốt nghiệp ở các trường đại học trọng điểm đủ khả năng chuyên môn và ngoại ngữ để tham gia thị trường lao động quốc tế. 100% sinh viên tốt nghiệp tất cả các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp có đủ kỹ năng sử dụng máy tính và

Internet trong công việc. Đến năm 2010 có trên 100.000 người có trình độ cao đẳng và đại học trở lên về công nghệ thông tin và truyền thông, trong đó có khoảng 20% đạt trình độ khu vực và quốc tế. Đảm bảo 100% trường đại học, cao đẳng, trung học phổ thông có trang thông tin điện tử. Tăng cường chất lượng và số lượng giảng viên công nghệ thông tin và truyền thông ở các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp đảm bảo tỷ lệ dưới 15 sinh viên có 1 giảng viên. Các trường sư phạm cung cấp đủ số lượng giáo viên dạy tin học cho các trường học trong cả nước. Hầu hết cán bộ, công chức, viên chức, giáo viên các cấp, bác sĩ, y sĩ, sinh viên đại học và cao đẳng, học sinh trung học chuyên nghiệp, trung học nghề và trung học phổ thông, 50% học sinh trung học cơ sở và một bộ phận người dân có nhu cầu được đào tạo kiến thức ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông và khai thác Internet. Đa số các Bộ, ngành, tỉnh, thành phố có cán bộ lãnh đạo quản lý thông tin, được bổ túc, đào tạo các chương trình quản lý công nghệ thông tin và truyền thông với trình độ tương đương trong khu vực.

III. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM

1. Các giải pháp chủ yếu

a) Nâng cao nhận thức

Nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của công nghệ thông tin và truyền thông trong mọi ngành kinh tế quốc dân, an ninh, quốc phòng và nâng cao năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông thông qua các hình thức tuyên truyền, phổ biến kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin và truyền thông trên Internet và các phương tiện thông tin đại chúng.

Phát động phong trào cách mạng sâu rộng, cả nước tiến quân vào xã hội thông tin và kinh tế tri thức, cả nước thành trường học lớn, khuyến khích văn hoá chia sẻ thông tin, hình thành xã hội học tập suốt đời.

b) Nâng cao năng lực ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin và truyền thông

- Đối với xã hội:

Ban hành chính sách đầu tư của Nhà nước cho ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, các chính sách thu hút sự tham gia rộng rãi của các công ty đa quốc gia, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, các công ty trong và ngoài nước vào đầu tư phát triển công nghệ thông tin và truyền thông.

Tập trung đầu tư cho một số dự án trọng điểm có tính đột phá và tạo nền móng cho phát triển công dân điện tử, Chính phủ điện tử, giao dịch và thương mại điện tử. Trước mắt ưu tiên cho phát triển Chính phủ điện tử. Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất cho một số cơ sở đào tạo công nghệ thông tin và truyền thông tương đương các nước tiên tiến trong khu vực để đảm bảo chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học về công nghệ thông tin và truyền thông.

Ban hành các quy định và tiêu chuẩn cụ thể đối với đối tượng bắt buộc sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông như cán bộ, công chức, sinh viên cao đẳng và đại học. Đối với các đối tượng không bắt buộc ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, Nhà nước có chính sách khuyến khích họ ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông.

- Đối với các doanh nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông trong nước:

Có chính sách thuế, tài chính, ưu đãi đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất các phần mềm quản trị doanh nghiệp; chính sách đặc biệt khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, chính sách sử dụng các sản phẩm, dịch vụ trong nước trong các dự án ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông của Chính phủ; chính sách khuyến khích các doanh nghiệp tăng đầu tư cho ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông.

Hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông, có chính sách ưu đãi ứng dụng công nghệ thông tin vào công nghiệp, khuyến khích tạo ra các sản phẩm công nghệ thông tin và truyền thông mang thương hiệu Việt Nam. Ưu tiên, hỗ trợ các doanh nghiệp mới tham gia thị trường viễn thông. Có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp phát triển cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp viễn thông sử dụng chung cơ sở hạ tầng sẵn có, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của cả ngành công nghệ thông tin và truyền thông.

c) Tăng cường năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước về công nghệ thông tin và truyền thông

Kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về công nghệ thông tin và truyền thông ở các cấp Trung ương và địa phương đảm bảo thực hiện đúng nguyên tắc "Năng lực quản lý phải theo kịp sự phát triển". Xây dựng chức danh cán bộ quản lý thông tin, xây dựng và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý công nghệ thông tin và truyền thông các cấp và có chế độ đãi ngộ hợp lý. Nhanh chóng xây dựng hệ thống quản lý ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông. Đưa vào mục lục ngân sách nhà nước loại chi riêng cho công nghệ thông tin và truyền thông. Xây dựng và thống nhất các tiêu chuẩn quản lý và tiêu chuẩn kỹ thuật về công nghệ thông tin và truyền thông. Nghiên cứu, xây dựng quy định bắt buộc cán bộ sử dụng phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông trong công việc, quy chế về khai thác, cập nhật và chia sẻ thông tin.

d) Huy động nguồn vốn thực hiện chiến lược

Huy động các nguồn vốn trong nước và ngoài nước để thực hiện từng phần các chương trình trọng điểm. Tập trung vốn cho triển khai thực hiện các dự án ưu tiên cấp quốc gia và các dự án ưu tiên cấp Bộ, ngành, địa phương. Tích cực tìm kiếm nguồn vốn ODA, đặc biệt tạo điều kiện thuận lợi nhất thu hút nguồn vốn FDI để thực hiện các dự án lớn. Phấn đấu đến năm 2010 dành 1% ngân sách đầu tư cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin và truyền thông và tổng đầu tư từ các thành phần kinh tế và các nguồn vốn đạt 2% GDP.

Có các chính sách đặc biệt nhằm thu hút nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin và truyền thông. Tạo lập môi trường thuận lợi để Việt Nam trở thành địa điểm đầu tư hấp dẫn và tin cậy của các đối tác quốc tế, đặc biệt là các tập đoàn công nghệ thông tin và truyền thông lớn. Khuyến khích tất cả các thành phần kinh tế, các hình thức đầu tư nước ngoài, kể cả hình thức 100% vốn nước ngoài tham gia phát triển công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông.

đ) Phát triển nguồn nhân lực cho công nghệ thông tin và truyền thông

Rà soát các chương trình đào tạo về công nghệ thông tin và truyền thông, kiên quyết loại bỏ các chương trình lạc hậu. Biên soạn chương trình đào tạo mới về công nghệ thông tin, tăng tỷ lệ thực hành ở các môn học công nghệ thông tin và truyền thông. Có chế độ thích hợp cho từng loại cơ sở đào tạo công nghệ thông tin và truyền thông để thực hiện mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực.

Khuyến khích các trường đại học giảng dạy về công nghệ thông tin và truyền thông bằng tiếng Anh, có chính sách thu hút giáo viên nước ngoài trong đào tạo. Đẩy mạnh chương trình dạy đại học bằng tiếng Anh cho sinh viên công nghệ thông tin và truyền thông theo hướng 1 năm học tiếng Anh và 3 - 4 năm học chuyên môn bằng tiếng Anh.

Hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho việc đào tạo tin học ở tất cả các cấp, khuyến khích đào tạo bằng đại học thứ hai về công nghệ thông tin và truyền thông. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tổ chức các loại hình đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực công nghệ thông tin và truyền thông. Thu hút và tạo điều kiện thuận lợi để các trường đại học quốc tế giảng dạy công nghệ thông tin và truyền thông tại Việt Nam. Ưu đãi các trường học, viện nghiên cứu sử dụng Internet, khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin vào giáo dục.

Lựa chọn sinh viên học giỏi hoặc những người đã tốt nghiệp đại học đang làm việc trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông có triển vọng phát triển, có đủ điều kiện về trình độ học vấn đưa đi đào tạo ở nước ngoài để trở thành các chuyên gia trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông và quản lý công nghệ thông tin và truyền thông. Các doanh nghiệp hợp tác trực tiếp với các công ty lớn của nước ngoài về công nghệ thông tin và truyền thông để phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin và truyền thông và đào tạo chuyên gia cấp cao về công nghệ thông tin và truyền thông.

e) Phát triển hệ thống nghiên cứu triển khai

Nâng cao năng lực nghiên cứu triển khai của các cơ sở nghiên cứu về công nghệ thông tin và truyền thông. Có chính sách trọng dụng cán bộ khoa học về công nghệ thông tin và truyền thông, ưu đãi đặc biệt các công ty quốc tế thiết lập các trung tâm nghiên cứu công nghệ thông tin và truyền thông ở Việt Nam. Đẩy mạnh liên kết nghiên cứu giữa các doanh nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông với các trường đại học, viện nghiên cứu, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu triển khai. Triển khai các chương trình nghiên cứu khoa học, công nghệ về công nghệ thông tin và truyền thông tạo tiềm lực và năng lực công nghệ quốc gia.

g) Hoàn thiện môi trường pháp lý hỗ trợ phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông

Khẩn trương xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật tạo môi trường cho việc hỗ trợ ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin và truyền thông. Xây dựng cơ chế, chính sách đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông thuộc mọi thành phần kinh tế. Thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh trên thị trường viễn thông và Internet. Phân định rõ hoạt động sản xuất kinh doanh với hoạt động mang tính công ích trong lĩnh vực viễn thông.

h) Tăng cường hợp tác, liên kết trong nước và quốc tế

Tranh thủ sự hỗ trợ, chia sẻ thông tin và tri thức, kinh nghiệm, chuyển giao công nghệ trên các lĩnh vực nghiên cứu, quản lý, sản xuất, kinh doanh, đào tạo của các tổ chức quốc tế, các công ty đa quốc gia, các cơ sở nghiên cứu, các trung tâm tư vấn, các chuyên gia, đặc biệt là người Việt Nam ở nước ngoài. Thường xuyên củng cố và phát huy mối quan hệ gắn bó, hợp tác và liên kết giữa ba chủ thể Nhà nước, doanh nghiệp và người sử dụng, chú ý quan tâm các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Phát huy vai trò của các Hiệp hội nghề nghiệp về công nghệ thông tin và truyền thông trong quá trình đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin và truyền thông.

i) Phát triển thị trường công nghệ thông tin và truyền thông

Thực hiện mở cửa thị trường viễn thông và Internet, chủ động hội nhập quốc tế. Chuyển mạnh sang thị trường cạnh tranh, tạo điều kiện cho mọi thành phần kinh tế tham gia cung cấp dịch vụ viễn thông và Internet. Có chính sách hỗ trợ để các doanh nghiệp mới chiếm 40 - 50% thị phần dịch vụ viễn thông và Internet vào năm 2010.

Mở rộng thị trường công nghệ thông tin và truyền thông ra nước ngoài. Phát triển thị trường lao động công nghệ thông tin và truyền thông (đặc biệt là lao động sản xuất phần mềm và nội dung thông tin), hỗ trợ và tạo điều kiện xuất khẩu lao động sản xuất phần mềm và thu hút chuyên gia công nghệ thông tin và truyền thông quốc tế vào Việt Nam.

2. Các chương trình trọng điểm

Chiến lược phát triển công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam được triển khai thực hiện thông qua năm chương trình trọng điểm sau đây:

a) Chương trình xây dựng môi trường thể chế, pháp lý, chính sách thúc đẩy ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin và truyền thông

- Các dự án ưu tiên cấp quốc gia về tăng cường năng lực quản lý công nghệ thông tin và truyền thông.

+ Xây dựng hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách tạo môi trường hỗ trợ, thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông, phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin và truyền thông, phát triển công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông và phát triển thương mại điện tử;

+ Xây dựng hệ thống chuẩn thông tin và công nghệ thông tin và truyền thông quốc gia.

- Các dự án khác

+ Xây dựng thể chế, cơ chế quản lý và điều hành ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông;

+ Xây dựng các tiền đề, môi trường văn hoá phù hợp với xã hội thông tin và kinh tế tri thức.

b) Chương trình đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, phát triển Việt Nam điện tử

- Các dự án ưu tiên cấp quốc gia về xây dựng nền tảng cho phát triển công dân điện tử, doanh nghiệp điện tử.

+ Phổ cập tin học cho 20 triệu người dân;

+ Đào tạo 30.000 cán bộ chuyên môn công nghệ thông tin và truyền thông;

+ Xây dựng 1 triệu trang thông tin điện tử phục vụ cộng đồng;

+ Sản xuất 1 triệu thiết bị kết nối Internet giá rẻ;

+ Xây dựng một số mô hình điển hình ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong các doanh nghiệp.

- Các dự án ưu tiên cấp quốc gia về xây dựng nền tảng cho phát triển Chính phủ điện tử

+ Chuẩn hoá hệ thống lưu trữ và trao đổi thông tin điện tử trong các cơ quan Nhà nước;

+ Phát triển phần mềm dùng chung và các cơ sở dữ liệu quốc gia quan trọng;

+ Xây dựng hệ thống đảm bảo an ninh, an toàn và bảo mật thông tin;

+ Phát triển công nghệ thông tin tạo tiền đề cho Chính phủ điện tử và nâng cao năng lực quản lý nhà nước về công nghệ thông tin và truyền thông;

+ Bồi dưỡng, đào tạo cán bộ lãnh đạo quản lý thông tin và quản trị mạng;

+ Xây dựng mô hình điển hình đổi mới và tin học hoá các quy trình điều hành, quản lý hành chính của cơ quan quản lý hành chính; một số mô hình điển hình dịch vụ hành chính công cơ bản trực tuyến; mô hình điển hình mua sắm điện tử của các cơ quan Chính phủ.

- Các dự án ưu tiên cấp Bộ, ngành, địa phương

+ Tin học hoá hệ thống hoạt động của các cơ quan Đảng;

+ Ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan của Quốc hội;

+ Tin học hoá quản lý hành chính nhà nước;

+ Xây dựng hệ thống thông tin tài chính và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong các hoạt động quản lý và nghiệp vụ ngành tài chính;

+ Xây dựng hệ thống thông tin ngân hàng và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong các hoạt động quản lý và nghiệp vụ ngành ngân hàng;

+ Xây dựng hệ thống thông tin thống kê kinh tế, xã hội;

+ Xây dựng hệ thống thông tin về đất đai, tài nguyên, môi trường;

+ Xây dựng hệ thống thông tin về dân cư, lao động, thương binh và phúc lợi xã hội;

+ Xây dựng hệ thống thông tin nông nghiệp và phát triển nông thôn;

+ Xây dựng hệ thống thông tin công nghiệp và sản phẩm công nghiệp Việt Nam;

+ Xây dựng hệ thống thông tin về luật và văn bản pháp quy;

+ Xây dựng hệ thống tin về văn hóa, xã hội;

+ Xây dựng hệ thống thông tin khoa học, công nghệ;

+ Xây dựng hệ thống thông tin giáo dục, đào tạo, dạy nghề, việc làm;

+ Xây dựng hệ thống thông tin y tế và chăm sóc sức khoẻ cộng đồng;

+ Xây dựng hệ thống thông tin bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin Việt Nam;

+ Xây dựng hệ thống thông tin hải quan và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong các hoạt động quản lý và nghiệp vụ ngành Hải quan;

+ Xây dựng hệ thống thông tin thương mại và các doanh nghiệp Việt Nam;

+ Xây dựng hệ thống thông tin quản lý chứng minh nhân dân, tiến tới cấp chứng minh nhân dân điện tử cho toàn dân;

+ Xây dựng Chính phủ điện tử tại Hà Nội;

+ Xây dựng Chính phủ điện tử tại thành phố Hồ Chí Minh;

+ Xây dựng Chính phủ điện tử tại Đà Nẵng;

+ Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin và truyền thông trong Công an nhân dân;

+ Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin và truyền thông trong quốc phòng;

+ Ứng dụng và phát triển phần mềm nguồn mở.

- Các dự án khác

+ Xây dựng hệ thống thông tin hỗ trợ nuôi trồng thuỷ sản, phát triển vùng duyên hải;

+ Xây dựng hệ thống thông tin về đất nước, con người, lịch sử và du lịch;

+ Xây dựng hệ thống thông tin về giao thông vận tải;

+ Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong quản lý, điều hành và nghiệp vụ Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

+ Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong quản lý, điều hành và nghiệp vụ Bộ Nội vụ;

+ Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong quản lý, điều hành và nghiệp vụ Bộ Ngoại giao;

+ Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong các hoạt động quản lý, điều hành và nghiệp vụ Bộ Xây dựng;

+ Tăng cường hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông;

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao khả năng cạnh tranh của các sản phẩm công nghiệp Việt Nam;

+ Xây dựng và triển khai chương trình xúc tiến thương mại điện tử, tham gia chương trình e-ASEAN về thương mại điện tử, chuẩn bị hội nhập quốc tế;

+ Phổ cập tin học, nâng cao nhận thức và hiểu biết về vai trò của công nghệ thông tin và truyền thông, kinh tế tri thức và xã hội thông tin.

c) Chương trình phát triển hạ tầng viễn thông và Internet

- Các dự án ưu tiên cấp quốc gia về xây dựng nền tảng cho phát triển năng lực truy cập thông tin và tri thức

+ Xây dựng mạng diện rộng của Chính phủ. Kết nối Internet băng rộng cho tất cả các Bộ, ngành, cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền cấp tỉnh và huyện;

+ Kết nối Internet băng rộng cho các viện nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, trung học phổ thông và các bệnh viện đến cấp huyện. Từng bước xây dựng mạng tốc độ cao liên kết các trường đại học và các cơ sở nghiên cứu khoa học trong cả nước;

+ Phát triển hệ thống các điểm Bưu điện văn hoá xã và các điểm truy cập Internet công cộng. Đưa Internet đến 100% các điểm Bưu điện văn hoá xã và các trung tâm giáo dục cộng đồng, phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào nông nghiệp và phát triển nông thôn.

d) Chương trình phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin và truyền thông

- Nâng cao chất lượng đào tạo đại học và sau đại học về công nghệ thông tin và truyền thông;

- Hỗ trợ triển khai các chương trình liên kết đào tạo công nghệ thông tin và truyền thông với các trường đại học nước ngoài;

- Đào tạo bồi dưỡng về công nghệ thông tin và truyền thông cho các chuyên ngành;

- Nâng cao chất lượng đào tạo về công nghệ thông tin và truyền thông ở bậc trung học chuyên nghiệp và dạy nghề;

- Đào tạo về quản lý công nghệ thông tin và truyền thông và phổ cập tin học cho cán bộ, công chức và viên chức;

- Dạy tin học và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong trường phổ thông;

- Phát triển mạng và các dịch vụ giáo dục, đào tạo ứng dụng trên Internet;

- Đảm bảo 100% trường trung học phổ thông sử dụng Internet;

- Kết nối Internet cho các trường trung học cơ sở.

đ) Chương trình phát triển công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông

- Xây dựng kế hoạch tổng thể phát triển công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam;

- Quy hoạch các khu công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông tập trung;

- Tạo thị trường và thương hiệu cho sản phẩm công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam, hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông tham gia thị trường quốc tế;

- Hình thành các quỹ đầu tư mạo hiểm để thu hút vốn đầu tư cho phát triển công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông đặc biệt là công nghiệp phần mềm và sản xuất nội dung thông tin;

- Phát triển công nghiệp phần mềm và dịch vụ, đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm phần mềm, phát triển các doanh nghiệp phần mềm vừa và nhỏ;

- Phát triển sản xuất và cung cấp nội dung thông tin tiếng Việt, thúc đẩy sử dụng tiếng Việt trong các trang thông tin điện tử;

- Phát triển công nghiệp sản xuất máy tính thương hiệu Việt Nam, các thiết bị đầu cuối thông minh đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu;

- Nâng cao chất lượng sản phẩm điện tử, đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm điện tử, phát triển công nghiệp phụ trợ và sản xuất linh kiện;

- Nâng cao năng lực sản xuất thiết bị viễn thông, đặc biệt là máy điện thoại di động, đáp ứng nhu cầu trong nước và có sản phẩm xuất khẩu.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Bộ Bưu chính, Viễn thông chủ trì, phối hợp cùng với Bộ Nội vụ và các cơ quan có liên quan xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thành lập Ban điều phối quốc gia về công nghệ thông tin và truyền thông và xã hội thông tin, quy hoạch phát triển công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam, quy hoạch phát triển công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam, các chính sách, cơ chế khuyến khích và tạo điều kiện phát triển công nghệ thông tin và truyền thông, nghiên cứu xây dựng chiến lược phát triển xã hội thông tin Việt Nam; chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng nội dung chi tiết, tổ chức triển khai thực hiện chương trình trọng điểm xây dựng môi trường thể chế, pháp lý, chính sách thúc đẩy ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin và truyền thông, chương trình đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, phát triển Việt Nam điện tử, chương trình phát triển hạ tầng viễn thông và Internet, chương trình phát triển công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông; xây dựng kế hoạch triển khai giai đoạn 2005 - 2010 và hàng năm phù hợp với Chiến lược này; sơ kết tình hình thực hiện Chiến lược hàng năm và tổng kết tình hình thực hiện Chiến lược vào năm kết thúc.

2. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Bưu chính, Viễn thông cân đối tổng hợp các nguồn lực trong kế hoạch Nhà nước 5 năm và hàng năm cho các chương trình trọng điểm, các dự án ưu tiên cấp quốc gia, các dự án ưu tiên cấp Bộ, ngành, địa phương; xây dựng các giải pháp triển khai chính sách huy động các nguồn vốn trong nước và nước ngoài cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin và truyền thông.

3. Giao Bộ Tài chính chủ trì xây dựng cơ chế, chính sách tạo điều kiện đảm bảo ưu tiên bố trí kinh phí và cấp đủ kinh phí cho các chương trình trọng điểm, các dự án ưu tiên cấp quốc gia, các dự án ưu tiên cấp Bộ, ngành, địa phương.

4. Giao Bộ Thương mại chủ trì, phối hợp với Bộ Bưu chính, Viễn thông và các Bộ liên quan xây dựng và triển khai dự án tạo thị trường và thương hiệu cho sản phẩm công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam, hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông tham gia thị trường quốc tế.

5. Giao Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện chương trình phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin và truyền thông.

6. Giao Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Bưu chính, Viễn thông và các Bộ liên quan xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy nghiên cứu triển khai về công nghệ thông tin và truyền thông.

7. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào Chiến lược này xây dựng kế hoạch tổng thể giai đoạn 2005 - 2010 và kế hoạch hàng năm về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin và truyền thông. Triển khai các hoạt động về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin và truyền thông trong kế hoạch hoạt động thường xuyên của đơn vị. Đảm bảo đầu tư và thực hiện các dự án đầu tư đã được các cấp thẩm quyền quyết định theo đúng tiến độ. Các dự án đang được triển khai cần được điều chỉnh lại cho phù hợp với tinh thần và nội dung của bản Chiến lược này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Phan Văn Khải